

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Tám
- Ông Đồng Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo Huỳnh Hữu T (Tên gọi khác: Quẹo, V), sinh ngày 16/3/1996 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị G (chết).

Tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 27/7/2023 của Trưởng Công an Thị trấn V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đến ngày 31/7/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn V có Quyết định số 119/QĐ-UBND áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Nhân thân: Tại quyết định số 38/QĐ-XPHC ngày 24/10/2018 của Công an thị trấn V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

“Trộm cắp tài sản”. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2019; đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/01/2020. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2020; đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 12/5/2020. Tại Quyết định số 44/QĐ-TA ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Ngày 22/4/2024 và ngày 11/6/2024 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo không bị tạm giữ - tạm giam, hiện đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc của Tòa án tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn T2**, sinh ngày 05/5/1994 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (chết) và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1974; có vợ là Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1995; có hai con, sinh năm 2016 và 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Hoài T4, sinh năm: 1992; trú tại: Thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04h45' ngày 04/12/2023 Huỳnh Hữu T đi bộ lòng vòng trên địa bàn Thị trấn V tìm tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền để tiêu xài. Khi đến khu vực đường H trước trụ sở Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực 3 - Phòng PC07 Công an tỉnh K thuộc Tổ dân phố số A - Thị trấn V thì T thấy bên trong không có người nên đã leo tường rào vào bên trong trụ sở. Lúc này T thấy trong phòng trực ở tầng trệt không có ai, trên giường trong phòng trực có chiếc điện thoại IPHONE 14 Promax màu vàng, bên trong có 02 sim, bên ngoài có bọc ốp nhựa dẻo của Nguyễn Hoài T4 nên T đã vào phòng và lén lút trộm cắp chiếc điện thoại này rồi đi về nhà. Đến khoảng

6h30'sáng cùng ngày, T đem điện thoại vừa trộm cắp đến nhà Nguyễn Văn T2 ở Tổ dân phố số D - Thị trấn V, T nói với T2 cầm cố chiếc điện thoại với giá 1.000.000 đồng. Thích lấy điện thoại kiểm tra thì thấy có cài mật khẩu màn hình, T2 không hỏi về nguồn gốc chiếc điện thoại và đồng ý cầm cố chiếc điện thoại trên với giá 1.000.000 đồng. Thích tắt nguồn đem điện thoại này cất ở nhà rồi đi ra chợ bán rau, đến đầu giờ chiều T2 về nhà và mang điện thoại này theo đi ra chợ V1. Tại đây, Thích mở nguồn điện thoại thì thấy trên màn hình điện thoại hiện lên chế độ báo mất thì T2 biết rõ điện thoại này là của gian chứ không phải là tài sản của T, sau đó có số điện thoại lạ gọi đến nhưng Thích sợ không bắt máy. Đến khoảng 14h00' cùng ngày, T2 mang điện thoại đến nhà T và yêu cầu T chuộc lại điện thoại. T trả lời hiện tại đã hết tiền khi nào có sẽ chuộc lại và nói rõ cho T2 biết chiếc điện thoại này là do T trộm cắp mà có. Dù biết rõ chiếc điện thoại này do T trộm cắp mà có nhưng T2 vẫn đem về nhà cất giữ để tiếp tục thực hiện hợp đồng cầm cố nhằm mục đích để T mang tiền đến chuộc lại điện thoại và sẽ có tiền lãi mà không tự nguyện trình báo, giao nộp điện thoại cho cơ quan chức năng. Đến chiều ngày 08/12/2023, Công an Thị trấn V triệu tập Huỳnh Hữu T đến làm việc, T khai nhận hành vi trộm cắp của mình và đã cầm cố chiếc điện thoại cho Nguyễn Văn T2. Sau đó Công an thị trấn V triệu tập T2 đến làm việc thì Thích mới khai nhận hành vi của mình và giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 108/KL-TCKH.TTHS ngày 24/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận tài sản bị trộm cắp gồm:

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model: IPHONE 14 Promax, màu vàng, số máy: MQ9R3VN/A, số seri: K7QMCFQY52, dung lượng: 128 GB. Số Imei 1: 358547322966688, số Imei 2: 358547322967793 trị giá 24.255.000 đồng.

- 02 (hai) sim điện thoại di động mạng Vinaphone và V2 trị giá 80.000 đồng.

- 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo, màu trắng trong suốt trị giá 70.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản bị trộm cắp là 24.405.000 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSVN ngày 01 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa truy tố để xét xử bị cáo

Huỳnh Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và truy tố bị cáo Nguyễn Văn T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo; về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; tuyên buộc bị cáo Huỳnh Hữu T nộp ngân sách số tiền 1.000.000 đồng do thu lợi bất chính mà có; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Hữu T, Nguyễn Văn T2 đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Văn T2 xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị hại vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo Huỳnh Hữu T: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần xét hỏi công khai và tranh luận, có đủ căn cứ để kết luận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân. Khoảng 04h45' ngày 04/12/2023 tại trụ sở Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực 3 - Phòng PC07 Công an tỉnh K, thuộc Tổ dân phố số A - Thị trấn V - V - Khánh Hòa, Huỳnh Hữu T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động IPHONE 14 Promax có ốp lưng bằng nhựa dẻo, bên trong có 02 sim điện thoại của anh Nguyễn Hoài T4, giá trị tài sản bị trộm cắp là 24.405.000 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[2.2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T2. Mặc dù khi cầm cố điện thoại IPHONE 14 Promax bị cáo không biết điện thoại này là do bị cáo Nguyễn Hữu T5 trộm cắp mà có. Tuy nhiên, sau khi Nguyễn Hữu T5 cho bị cáo biết là tài sản này do T5 trộm cắp mà có, thì bị cáo đã không trình báo cơ quan có thẩm quyền mà vẫn tiếp tục cầm cố chiếc điện thoại này để yêu cầu T5 trả tiền cầm cố chiếc điện thoại. Như vậy, bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiếp tục cầm cố chiếc điện thoại này. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Từ các nhận định trên, có đủ căn cứ khẳng định Cáo trạng số 62/CT-VKSVN ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh truy tố bị cáo Huỳnh Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội “Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây lo lắng trong quần chúng nhân dân, cũng như gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4.2] Đối với bị cáo Huỳnh Hữu T: Bị cáo là người có sức khỏe, nhưng không chịu lao động chân chính, mà lựa chọn việc phạm tội để có tiền tiêu xài. Bị cáo đang có một tiền sự: Tại Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 27/7/2023 của Trưởng Công an Thị trấn V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị Tòa án nhân dân xét xử về tội trộm cắp tài sản, cũng như bị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Sau khi chấp hành xong các bản án, cũng như quyết định xử lý hành chính, bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục con đường phạm tội. Ngoài ra, ngày 22/4/2024 và ngày 11/6/2024 bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Ngoài ra, xét thấy cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, để sung ngân sách nhà nước.

[4.3] Đối với Nguyễn Văn T2. Khi biết rõ tài sản cầm cố là do bị cáo T phạm tội mà có, nhưng do háms lợi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo góp phần gia tăng tỷ lệ phạm tội các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Do đó, cũng cần có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để giáo dục, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4.4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn T2 chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nguyên nhân dẫn đến phạm tội là vì muốn bị cáo T chuộc lại điện thoại cũng như vụ lợi vì tiền lãi cầm điện thoại. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Riêng bị cáo T2 được áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T2 có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hoài T4 đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 **06** (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hoài T4 đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Huỳnh Hữu T, Nguyễn Văn T2, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị

hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

